

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm và trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” tại Công văn số 1037/CV-DNP ngày 09 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dược Danapha địa chỉ tại lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất dược phẩm và trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất dược phẩm và trung tâm nghiên cứu

cứu phát triển công nghệ cao

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Số 163124644 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 6 năm 2016 và chứng nhận điều chỉnh lần 1 ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0400102091 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 4 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0400102091

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành).

- Tổng diện tích sử dụng đất: 30.080 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Sản xuất thuốc viên: 1 tỷ viên/năm (68 sản phẩm).

+ Sản xuất thuốc nước: 70 triệu đơn vị/năm (39 sản phẩm).

+ Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao: sản xuất 5kg/sản phẩm/mẻ (3 mẻ/sản phẩm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất thuốc viên nang mềm công nghệ nano bằng phương pháp ép khuôn: Nguyên liệu → Pha chế dịch vỏ nang/ pha chế dịch thuốc → Tạo nang → Sấy nang → Chọn nang → Đóng gói cấp 1 → Đóng gói cấp 2 → Xuất xưởng.

+ Sản xuất thuốc viên giải phóng có kiểm soát, các dạng viên khác bằng dây chuyền sản xuất tự động, khép kín: Cân nguyên liệu → Xây, rây nguyên liệu → Trộn khô → Tạo hạt khô/ Trộn hoàn tất → Dập viên → Bao phim/ Đóng gói sơ cấp → Đóng gói thứ cấp → Nhập kho.

+ Sản xuất thuốc tiêm công nghệ Nano: Nguyên liệu (hóa chất, nước pha chế thuốc tiêm) → Chuẩn bị → Pha chế → Hòa tan → Đồng nhất hóa → Đóng lọ (rửa lọ, sấy lọ, hấp tiệt trùng) → Đóng bao bì cấp 2 → Xuất xưởng.

+ Sản xuất một số sản phẩm thuốc tiêm khác: Nguyên liệu → Hòa tan → Lọc → Đóng ống – Hàn ống → Hấp tiệt trùng và thử độ kín → Rửa ống → Soi → Đóng gói → Xuất xưởng.

+ Sản xuất thuốc nhỏ mắt công nghệ Nano: Pha nước/ Pha dầu → Hòa tan →

Phối hợp → Đồng nhất hóa, giảm kích thước → Lọc vô khuẩn màng lọc 0,22 μm → Phân liệu, đậy nắp → Dán nhãn → Đóng bao bì cấp 2 → Xuất xưởng.

+ Sản xuất thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi, xịt mũi khác và thuốc uống: Nguyên liệu → Hòa tan (nước RO) → Phối hợp, khuấy đồng nhất → Lọc vô khuẩn màng lọc 0,22 μm → Đóng lọ → Dán nhãn → Đóng bao bì cấp 2 → Xuất xưởng.

+ Sản xuất sản phẩm dùng ngoài: Nguyên liệu → Hòa tan → Phối hợp và khuấy đồng nhất → Lọc → Phân liệu → Soi → Đóng bao bì cấp 1 → Đóng bao bì cấp 2 → Xuất xưởng.

+ Hoạt động nghiên cứu sản phẩm, thử nghiệm sản phẩm → đạt yêu cầu đưa nguyên liệu vào sản xuất, tiếp tục các công đoạn tiếp theo hoặc lưu vào kho thành phẩm và xuất bán (thành phẩm)/ không đạt yêu cầu tiến hành phân tích thành phần, sửa lỗi và điều chỉnh sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Dược Danapha

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dược Danapha có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công

nghiệp Đà Nẵng, UBND huyện Hòa Vang, UBND xã Hòa Liên và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm

(Từ ngày 20. tháng 12. năm 2022 đến ngày 20. tháng 12. năm 2032)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên;
- Công thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty Cổ phần Dược Danapha;
- Trung tâm DVTH Khu công nghệ cao ĐN;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QLMT, KHCN&ƯT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Thái Ngọc Trung



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **3290/GPMT-BQL** ngày **20** tháng **12** năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghệ cao để dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh thu gom bằng đường ống uPVC DN100, DN150 → Bể tự hoại → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Nước thải từ hoạt động rửa tay chân thu gom bằng đường ống uPVC DN50, DN100, DN150 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Nước thải từ nhà bếp → Bể tách mỡ → Đường ống uPVC D100mm → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Nước thải sản xuất:

+ Nhà xưởng OSD và 1 phần nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền (sản xuất thuốc nước):

++ Nước thải từ hoạt động rửa, vệ sinh máy móc, thiết bị trong quy trình sản xuất và sau khi sản xuất → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước thải từ quá trình vệ sinh chai lọ đựng sản phẩm → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước thải từ công đoạn vệ sinh khử trùng công nhân viên và khách hàng trước khi vào nhà xưởng → Đường ống uPVC DN100 → Hồ ga → Hệ thống xử

lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước thải từ phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước thải vệ sinh hệ thống lọc RO → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước xả đáy lò hơi → Đường ống uPVC DN100 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

++ Nước thải từ hoạt động giặt đồ bảo hộ → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150, DN200 → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

+ Nước thải từ 1 phân Nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền (sản xuất cao sao vàng)

++ Nước thải từ hoạt động rửa, vệ sinh máy móc, thiết bị trong quy trình sản xuất và sau khi sản xuất → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150 → Bể tách dầu, mỡ → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh chai lọ đựng sản phẩm → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150 → Bể tách dầu, mỡ → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm → Đường ống uPVC DN80, DN100, DN125, DN150 → Bể tách dầu, mỡ → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại:

- Vị trí: Nhà xưởng OSD; Khu nhà văn phòng; Khu nhà phụ trợ.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Công suất thiết kế: 24m³/bể (03 bể) và 7,5m³ (01 bể)
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ (Khu nhà bếp):

- Vị trí: Đặt âm dưới khu vực nhà bếp.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách dầu mỡ (BxLxH = 1,2x2,0x1,5m) → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Công suất thiết kế: 2,4m³
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ (nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền):

- Vị trí: Đặt âm dưới khu vực nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ ga lắng cặn → Bể tách dầu mỡ (BxLxH = 1,2x2,5x2,5m) → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải 90 m³/ngày đêm → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Công suất thiết kế: 4,5m³
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Hệ thống xử lý nước thải công suất 90m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng đứng 1 → Bể oxy hóa → Bể trung gian → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn → Bể lắng đứng 2 → Bể Trung gian – lọc → Bể khử trùng → Hồ ga thu gom nước thải đường số 3, Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Công suất thiết kế: 90m³/ngày đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Poly Aluminium Chloride 30% (PAC) và Polymer 1% (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Đà Nẵng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống thu gom nước thải, tránh hiện tượng rò rỉ, vỡ ống gây ô nhiễm môi trường khu vực; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của các công trình xử lý nước thải.
- Ban hành và tuân thủ quy trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải, xây dựng kịch bản ứng cứu khi có sự cố xảy ra và trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ vận hành hệ thống xử lý nước thải nhằm ứng phó sự cố kịp thời.
- Công trình, thiết bị dự phòng sử dụng khi có sự cố:
 - + Các linh kiện, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải 90m³/ngày đêm đều có 02 thiết bị (01 vận hành, 01 dự phòng và các thiết bị chạy luân phiên nhau).

+ Bể thu gom nước thải (thiết kế $K_{\max} = 2,5$), bể trung gian sau bể oxy hóa, bể tuần hoàn sau bể hiếu khí và bể trung gian sau bể lắng 2 được sử dụng làm nơi lưu chứa nước thải khi hệ thống gặp sự cố và bể nước tuần hoàn có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu ngày 01 tháng 10 năm 2023 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất $90\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất $90\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Dược Danapha phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất $90\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải của dự án theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần, thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải, cụ thể: ngày 16/10/2023, 31/10/2023, 15/11/2023, 30/11/2023 và 15/12/2023.

- Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp, từ ngày 16/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

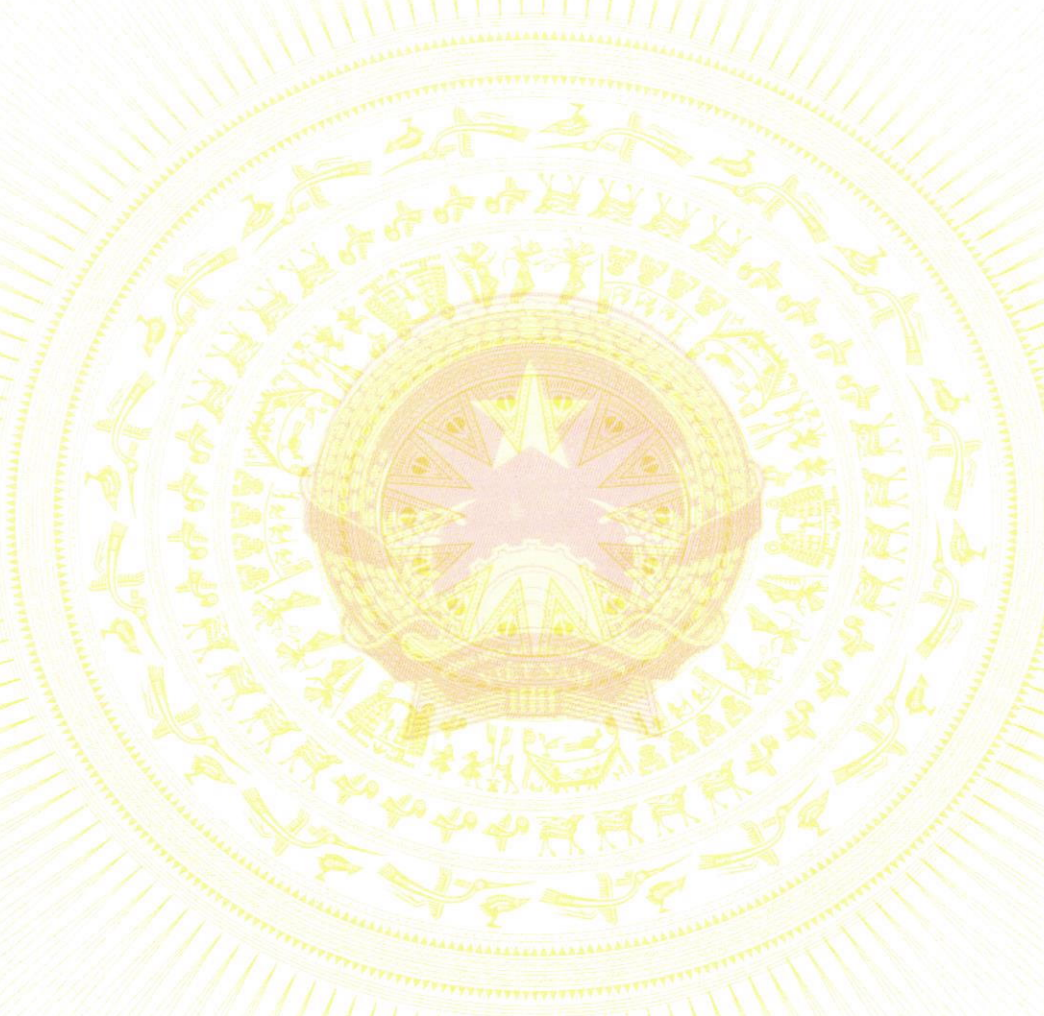
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Dược Danapha có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Công ty Cổ phần Dược Danapha chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2. Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Bùn cặn của hệ thống thu gom, xử lý nước thải và hệ thống thoát nước mưa của dự án phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.



Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải phát sinh của hệ thống xử lý nước thải 90m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải của tủ hút nhà xưởng OSD.
- Nguồn số 03: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải của tủ hút Khu R&D nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh tại ống thoát khí lò hơi đốt dầu DO công suất 5 tấn/h.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 300kWA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói của nguồn số 01

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1779393.2; Y = 535075.4 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 400m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục (24 giờ).

2.2. Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói của nguồn số 02

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1779505.1; Y = 535140.7 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 14.000m³/giờ
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục (24 giờ).

2.3. Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói của nguồn số 03

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1779444.8; Y = 535132.7 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.000m³/giờ
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục (24 giờ).

2.4. Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói của nguồn số 04

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1779480.6; Y = 535124.3 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.400m³/giờ

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn theo giờ làm việc, sản xuất.

2.5. Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói của nguồn số 05

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1779414.3; Y = 535155.9 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 500m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi qua hệ thống hút khí xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (hoạt động khi có sự cố mất điện).

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, hệ số K_p=1, K_v=1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			19:2009 BTNMT	20:2009 BTNMT		
I Dòng khí thải số 01						
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	-		
II Dòng khí thải số 02 và dòng khí thải số 03						
1	Hơi HCl	mg/Nm ³	50	-	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Hơi amoniac	mg/Nm ³	50	-		
3	Cloroform	mg/Nm ³	-	240		
4	Phenol	mg/Nm ³	-	19		
5	Ethyl acetate	mg/Nm ³	-	1.400		
III Dòng khí thải số 04 và dòng khí thải số 05						
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm ³	1.000	-		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-		
4	NO _x	mg/Nm ³	850	-		

Ghi chú: Khuyến khích Công ty Cổ phần Dược Danapha thực hiện quan trắc khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án để tự theo dõi, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải $90\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Quạt hút khí → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Xả ra môi trường qua ống khói số 01.

- Nguồn số 02: Khí thải từ tủ hút tại phòng thí nghiệm nhà xưởng OSD → Bộ lọc HEPA → Chụp hút có gắn lớp than hoạt tính → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ (dung dịch hấp thụ NaOH 1%) → Xả ra môi trường qua ống khói số 02.

- Nguồn số 03: Khí thải từ tủ hút tại phòng thí nghiệm nhà xưởng OSD → Bộ lọc HEPA → Chụp hút có gắn lớp than hoạt tính → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ (dung dịch hấp thụ NaOH 1%) → Xả ra môi trường qua ống khói số 03.

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ lò hơi đốt dầu DO → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói số 04.

- Nguồn số 05: Khí thải từ máy phát điện dự phòng → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói số 05.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải $90\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút khí → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống khói.

- Công suất thiết kế: $400\text{m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng với lưu lượng xả khí thải lớn nhất quy định tại Phần A Phụ lục này)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

b) Hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút nhà xưởng OSD

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, hơi hóa chất → Bộ kỹ thuật lọc ULPA được đồng bộ trong tủ hút → Chụp hút có gắn lớp than hoạt tính → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế: $14.000\text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng với lưu lượng xả khí thải lớn nhất quy định tại Phần A Phụ lục này)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH nồng độ 1% (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này) và than hoạt tính.

c) Hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút khu R&D nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, hơi hóa chất → Bộ kỹ thuật lọc ULPA được đồng bộ trong tủ hút → Chụp hút có gắn lớp than hoạt tính → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 7.000 m³/giờ (tương ứng với lưu lượng xả khí thải lớn nhất quy định tại Phần A Phụ lục này)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH nồng độ 1% (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này) và than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, tần suất 3 tháng/lần.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Các thiết bị, linh kiện vận hành hệ thống như bơm định lượng dung dịch NaOH có 02 thiết bị (01 vận hành, 01 dự phòng, chạy luân phiên).

- Khi xảy ra sự cố mất điện, quạt hút của hệ thống không hoạt động thì báo ngay với ban lãnh đạo, sử dụng máy phát điện dự phòng để tiếp tục cung cấp điện cho hệ thống; Dừng ngay công đoạn sản xuất tại nơi có hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đóng các van đường ống, đậy nắp các thùng chứa hóa, các bồn phản ứng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2023, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 90m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút nhà xưởng OSD.

- Hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút khu R&D nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền.

Hệ thống thoát bụi, khí thải khác không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

a) Vị trí lấy mẫu

- 01 vị trí trên ống khói số 01 của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 90m³/ngày đêm.

- 01 vị trí trên ống khói số 02 của hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút nhà xưởng OSD.

- 01 vị trí trên ống khói số 03 của hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất phát sinh từ tủ hút khu R&D nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền.

b) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Dược Danapha phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải số 01, 02 và 03, đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra của công trình xử lý khí thải, cụ thể ngày: 16/10/2023, 31/10/2023, 15/11/2023, 30/11/2023 và 15/12/2023.

- Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải, cụ thể ngày 16/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Dược Danapha có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Công ty Cổ phần Dược Danapha chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2 Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 1: Khu vực máy trộn của nhà xưởng OSD
- + Nguồn số 2: Khu vực máy rửa của nhà xưởng OSD
- + Nguồn số 3: Khu vực máy xát hạt của nhà xưởng OSD
- + Nguồn số 4: Khu vực máy sấy của nhà xưởng OSD
- + Nguồn số 5: Khu vực máy rửa 1 của nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền
- + Nguồn số 6: Khu vực máy rửa 2 của nhà xưởng thuốc tiêm – dịch truyền
- + Nguồn số 7: Hoạt động của máy tạo nước RO
- + Nguồn số 8: Hoạt động của máy cất nước tinh khiết
- + Nguồn số 9: Máy thổi khí tại khu vực xử lý nước thải
- + Nguồn số 10: Hoạt động của máy phát điện dự phòng
- + Nguồn số 11: Hoạt động của máy nén khí
- + Nguồn số 12: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải của hệ thống XLNT
- + Nguồn số 13: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải, hơi hóa chất sau tủ hút
- + Nguồn số 14: Quạt hút tại lò hơi đốt dầu DO

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 1 có tọa độ: X=1779472.4; Y=535149.1
- + Nguồn số 2 có tọa độ: X=1779485.1; Y=535172.4
- + Nguồn số 3 có tọa độ: X=1779495.8; Y=535195.9
- + Nguồn số 4 có tọa độ: X=1779495.2; Y=535157.6
- + Nguồn số 5 có tọa độ: X=1779425.5; Y=535204.6
- + Nguồn số 6 có tọa độ: X=1779403.7; Y=535172.9
- + Nguồn số 7 có tọa độ: X=1779447.3; Y=535140.2
- + Nguồn số 8 có tọa độ: X=1779451.4; Y=535143.5
- + Nguồn số 9 có tọa độ: X=1779401.1; Y=535154.3
- + Nguồn số 10 có tọa độ: X=1779416.9; Y=535218.7
- + Nguồn số 11 có tọa độ: X=1779424.6; Y=535227.7



- + Nguồn số 12 có tọa độ: X=1779396.1; Y=535153.1
- + Nguồn số 13 có tọa độ: X=1779415.6; Y=535181.0
- + Nguồn số 14 có tọa độ: X=1779399,1; Y=535170.9

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

TT	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (LAeq)-dBA
1	8 giờ	≤ 85

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **5290/GPMT-BQL** ngày **20** tháng **12** năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	Lỏng	20.807,5	19 05 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	196	18 01 03
3	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác (Than hoạt tính đã qua sử dụng)	Rắn	100	03 05 07
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	35	16 01 06
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Đồ bảo hộ, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu mỡ và hóa chất)	Rắn	175	18 02 01
6	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Rắn	208,25	19 03 01
7	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	175	19 03 02
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	122,5	17 02 04
9	Dịch thải từ quá trình chiết tách, dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	Lỏng	87,5	03 05 02
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	500	03 05 08

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác (Cặn, dầu mỡ thải từ hệ thống thoát nước thải)	Rắn/Bùn	240	03 05 10
12	Chất thải lây nhiễm (Chất thải rắn có nguy cơ lây nhiễm SARS – Cov – 2)		40	13 01 01
13	Hộp chứa mực in	Rắn	8	08 02 04
14	Ấp quy chì thải	Rắn	60	19 06 01
15	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại (Sản phẩm lỗi, hỏng, sản phẩm hết hạn sử dụng được thu hồi về (tỷ lệ 1%))	Rắn	300	03 05 09
Tổng số lượng			23.054,75	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Chủng loại chất thải rắn sản xuất	Khối lượng (kg/ngày)	Mã chất thải
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (tái chế và không tái chế)	80,5	18 01 05
2	Bả dược liệu	119	03 05 12
3	Chai lọ, dụng cụ đựng sản phẩm không đạt yêu cầu (thủy tinh vỡ)	5,25	03 05 12
4	Lõi lọc của hệ thống lọc nước RO (3 tháng thải bỏ lần)	15	-
5	Chai lọ, dụng cụ đựng sản phẩm không đạt yêu cầu (thủy tinh không vỡ)	7	03 05 12
6	Bùn thải từ bể tự hoại (6 tháng/ lần hút)	14	-
Tổng khối lượng		240,75	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 238,33kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu bôi trơn thải, hóa chất thải bỏ của phòng kiểm nghiệm,...) lưu chứa bằng can nhựa dung tích 30 lít; Chất thải nguy hại khác (giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, nguyên liệu thuốc quá hạn,...) chứa thùng dung tích 240 lít; Than hoạt tính thải bỏ thùng chứa chuyên dụng 240 lít; Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải và các hố ga lắng cặn trên đường thoát nước của nhà xưởng

thuốc tiêm – dịch truyền chứa tại 02 bồn nhựa với dung tích mỗi bồn 200 lít, có nắp đậy, kín; Bùn thải nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải lưu chứa tại bể chứa bùn. Tất cả các chất thải nguy hại được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho/ khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 49m^2 (ngăn chia từ nhà rác diện tích 98m^2)

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông cốt thép, cửa kho có gờ chắn cao 200mm so với mặt đường xung quanh, đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường bao xung quanh bằng gạch, sơn hoàn thiện; Mái lợp tôn; Cửa kho bằng tôn; Bên trong kho chứa có rãnh thu gom chất thải dạng nước rò rỉ kích thước BxH=200mmx200mm, hố ga thu gom cuối mương có kích thước BxLxH = 300x300x400mm.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Thiết bị, dụng cụ, kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có dung tích 240 lít.

b) Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/ khu vực lưu chứa ngoài trời: Nhà lưu chứa diện tích 98m^2 , có mái che, tường bao quanh và được chia thành 03 ngăn: Ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế với diện tích $24,5\text{m}^2$; Ngăn chứa chất thải có khả năng tái chế với diện tích $24,5\text{m}^2$; Ngăn chứa chất thải nguy hại với diện tích 49m^2 .

Thiết bị, dụng cụ, kho và khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác loại 10 lít, 20 lít, 240 lít (vật liệu nhựa, có nắp đậy) tại khu văn phòng làm việc, bên trong và bên ngoài nhà xưởng.

2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa: Diện tích $24,5\text{m}^2$ được chia ngăn của nhà chứa rác 98m^2 ; Nền bê tông cốt thép, cao độ nền hơn so với mặt đường xung quanh, đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường bao xung quanh bằng gạch, sơn hoàn thiện; Mái lợp tôn; Cửa kho bằng tôn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.



Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3290/GPMT-BQL ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục thực hiện nội dung các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án theo Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 4 tháng 5 năm 2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm OSD và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” địa điểm tại lô A22, đường số 3, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; đồng thời, thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác trong giai đoạn thi công dự án theo nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã đề xuất.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dược Danapha hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện dự án, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.



5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hòa Vang trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

